



VN-Index tăng 0,9%

Ngày báo cáo 22/9/2026

Phòng Nghiên cứu & Phân tích
research@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588

Điểm nhấn thị trường

VN-Index tăng 0,9%

VN-Index tăng 0,9% (+17,3 điểm) trong phiên thứ Ba, đóng cửa tại 1.816,9 điểm. Sau phiên diễn biến tiêu cực hôm qua, các cổ phiếu Bất động sản vốn hóa lớn phục hồi và góp phần nâng đỡ chỉ số. Toàn sàn ghi nhận 169 mã tăng, 134 mã giảm và 79 mã đi ngang. Thanh khoản giảm đáng kể so với phiên trước, đạt 13 nghìn tỷ đồng.

- Các cổ phiếu Bất động sản VIC (+3,7%), VHM (+1,9%), VRE (+1,4%) và BCM (+1,0%) tăng mạnh.
- Các công ty công nghiệp diễn biến tích cực khi GEE (+6,9%), GEX (+3,2%), GEL (+1,0%), VGC (+2,9%) và PVT (+4,6%) tăng mạnh.
- Ở nhóm cổ phiếu ngân hàng, VPB (-1,6%), ACB (-1,8%) và MBB (-0,5%) giảm, trong khi TCB (+0,2%) và LPB (+0,4%) tăng nhẹ.
- Các mã tăng/giảm đáng chú ý ở các ngành khác bao gồm các cổ phiếu nhóm Hàng tiêu dùng MSN (+3,8%), SAB (+1,5%), VNM (+1,5%) và VJC (-1,5%), công ty tiện ích POW (+2,0%) và công ty dầu khí PVD (-1,0%).

Điểm tin

- DPG: Trúng gói thầu trị giá 918 tỷ đồng thuộc dự án đường sắt tốc độ cao Hà Nội - Quảng Ninh
- HDC công bố kế hoạch chuyển nhượng dự án HODECO Seavillage
- VEA: Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa (FOL) giảm từ 49% xuống 0%, tác động hạn chế do tỷ lệ sở hữu nước ngoài hiện ở mức thấp

Báo cáo trong ngày

- Ngành Năng lượng: Xung đột Mỹ - Iran kéo dài khiến giá dầu năm 2026/2027 neo cao
- FRT: Mạng chăm sóc sức khỏe tiếp tục dẫn dắt tăng trưởng; mảng ICT đang trên đà phục hồi - Cập nhật
- SCS: Việc dự án Long Thành (LTH) đi vào hoạt động trong nửa đầu năm 2027 sẽ gây áp lực lên lợi nhuận, được bù đắp một phần nhờ mức lợi suất cổ tức cao - Cập nhật

Dữ liệu thị trường

	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1.816,9	276,9	126,1
% Δ	1,0%	0,9%	-0,2%
- % Δ 1 tuần	0,3%	1,0%	0,5%
- % YTD	1,8%	10,6%	4,5%
- % YOY	11,2%	1,0%	14,5%
GTGD			
- Hôm nay (triệu)	500,8	25,0	14,9
- TB 1 tháng (triệu)	669,1	30,2	17,0
- TB 1 năm (triệu)	948,4	58,9	24,1
- TB QTD	669,6	35,3	16,0
- % TB QTD/TB quý gần nhất	-21,6%	-21,9%	-21,3%
Khối ngoại			
- Mua (triệu)	61,4	0,6	0,4
- Bán (triệu)	59,3	0,4	0,2
- GT ròng (triệu)	2,1	0,2	0,2
Độ rộng TT			
Mã tăng	174	58	111
Mã giảm	130	55	123
Không đổi	126	188	620
Chỉ số chính			
GT vốn hóa (tỷ)	338,2	18,1	49,9
P/E trượt 12T	12,4	10,3	13,7
LS cổ tức*	3,0%	5,1%	2,8%
Giao dịch			
Phái sinh	Giá	KL mở cửa	GTGD (tr USD)
VN30F1M	1.962,9	28.365	1.947,56
VN30F2M	1.961,0	339	2,44
VN30F1Q	1.964,2	700	0,38
VN30F2Q	1.960,5	283	0,24
VN100F1M	1.861,7	82	0,77
VN100F2M	1.869,4	6	1,47
VN100F1Q	1.862,0	34	0,86
VN100F2Q	1.857,0	21	0,16
USD/VND			26.017

Nguồn: Fiinpro, HSX, HNX

*Phương pháp của Fiinpro được tính toán dựa trên các công ty đã chi trả cổ tức cho năm hiện tại, thay vì toàn bộ VN-Index. Theo Bloomberg, lợi suất cổ tức 12 tháng tổng hợp cho VN-Index tính đến ngày 30/5 là 1.84%.

Quan điểm kỹ thuật

Về mặt kỹ thuật, VN-Index vượt vùng kháng cự 1.810 điểm, qua đó tạo động lực để chỉ số hướng đến khu vực 1.830 điểm trong phiên 23/09. Hỗ trợ gần hiện nằm tại vùng 1.790 điểm.

Các nhà đầu tư có thể theo dõi tín hiệu kỹ thuật của Top 15 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index, Top 10 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến HNX-Index và UpCom Index; cũng như của một số các cổ phiếu đầu cơ do Vietcap lựa chọn.

Để tải về báo cáo chi tiết, xin vui lòng nhấn vào [đây](#).

Điểm tin

DPG: Trúng gói thầu trị giá 918 tỷ đồng thuộc dự án đường sắt tốc độ cao Hà Nội - Quảng Ninh

* CTCP Tập đoàn Đạt Phương (DPG) vừa công bố đã ký hợp đồng thi công các hạng mục cầu thuộc dự án đường sắt tốc độ cao Hà Nội - Quảng Ninh. Tổng giá trị hợp đồng của liên danh là 2,29 nghìn tỷ đồng, trong đó phần việc của DPG trị giá 918 tỷ đồng (tương đương khoảng 40% giá trị hợp đồng).

* Toàn dự án có chiều dài khoảng 120 km, đi qua Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Phòng và Quảng Ninh, do VinSpeed làm chủ đầu tư với tổng mức đầu tư hơn 147 nghìn tỷ đồng, tương đương khoảng 5,6 tỷ USD. Dự án đã khởi công vào tháng 4/2026 và đặt mục tiêu sẽ hoàn thành trong năm 2028.

* Chúng tôi lưu ý rằng tại [DHCD tháng 4/2026](#), ban lãnh đạo đã cho biết rằng DPG hiện đang thi công một gói thầu dài 20 km thuộc dự án này. Chúng tôi ước tính dự án có thể đóng góp khoảng 2,6 nghìn tỷ đồng doanh thu cho DPG, dựa trên giả định công ty giành được khoảng 5% giá trị xây dựng của toàn dự án. Chúng tôi kỳ vọng DPG sẽ tiếp tục trúng thêm các gói thầu tại dự án này để hoàn thành dự báo của chúng tôi.

* Tính cả gói thầu này, tổng giá trị hợp đồng ký mới từ đầu năm 2026 của DPG đã tăng lên khoảng 6,0 nghìn tỷ đồng (tương đương 91% dự báo cả năm của chúng tôi là 6,6 nghìn tỷ đồng và nhìn chung phù hợp với kỳ vọng). Chúng tôi cho rằng việc trúng thầu này giúp củng cố khả năng ghi nhận doanh thu đối với mảng xây dựng của công ty, đồng thời tiếp tục nâng cao vị thế của DPG với vai trò là một trong những nhà thầu chủ chốt trong làn sóng phát triển đường sắt tốc độ cao tại Việt Nam.

*** Chúng tôi hiện có khuyến nghị MUA với giá mục tiêu là 48.900 đồng/cổ phiếu đối với DPG.**

HDC công bố kế hoạch chuyển nhượng dự án HODECO Seavillage

* Ngày 22/09/2026, HĐQT của CTCP Phát triển Nhà Bà Rịa - Vũng Tàu (HDC) đã ban hành nghị quyết thông qua về nguyên tắc kế hoạch chuyển nhượng dự án HODECO Seavillage (2,58 ha, tại TP.HCM - trước đây là Vũng Tàu).

* Giá trị chuyển nhượng dự kiến là 1,05 nghìn tỷ đồng. HDC hiện sở hữu 50% lợi ích trong dự án.

* Công ty kỳ vọng việc chuyển nhượng dự án sẽ hoàn tất trong năm 2027. Dự án hiện đang trong quá trình điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500.

* [Báo cáo Cập nhật](#) gần nhất của chúng tôi ngày 09/01/2026 chưa phản ánh tác động tiềm năng từ kế hoạch chuyển nhượng dự án này. Chúng tôi đánh giá kế hoạch này là tích cực đối với HDC, bù đắp cho triển vọng doanh số bán BĐS thấp hơn so với dự báo trước đây.

VEA: Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa (FOL) giảm từ 49% xuống 0%, tác động hạn chế do tỷ lệ sở hữu nước ngoài hiện ở mức thấp

* Tổng Công ty Máy động lực và máy nông nghiệp Việt Nam (VEA) vừa qua đã nhận được Công văn số 9261/UBCK-PTTT từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN), xác nhận tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa (FOL) của công ty đã được điều chỉnh giảm từ 49% xuống 0%.

* Theo Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025, các công ty đại chúng có trách nhiệm xác định và công bố tỷ lệ FOL tối đa dựa trên các ngành nghề kinh doanh đã đăng ký. Theo đó, VEA xác định tỷ lệ FOL tối đa ở mức 0%, do một số ngành nghề kinh doanh đã đăng ký thuộc diện hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài, đáng chú ý là các ngành nghề như khai khoáng và bán buôn quặng kim loại, quặng kim loại màu, quặng kim loại quý/hiếm, cũng như nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.

* Chúng tôi cho rằng tác động của việc điều chỉnh này là không đáng kể, do tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại VEA hiện chỉ ở mức 1,4%.

Tóm tắt các báo cáo trong ngày

Ngành Năng lượng: Xung đột Mỹ - Iran kéo dài khiến giá dầu năm 2026/2027 neo cao

* **Xung đột giữa Mỹ/Israel và Iran có thể kéo dài đến hết nửa đầu năm 2027 hoặc lâu hơn:** Ngày 11/9, Ả Rập Xê-út đã đóng đường ống Đông - Tây (tuyến đường quan trọng để tránh eo biển Hormuz; 4-5 triệu thùng/ngày, khoảng 4-5% nguồn cung dầu toàn cầu) sau một cuộc tấn công bằng máy bay không người lái xuất phát từ Iraq. Theo The Guardian và Reuters, công tác sửa chữa có thể mất sáu tuần (đến cuối tháng 10/2026), với giả định không phát sinh thêm thiệt hại. Ngoài ra, theo thông tin ngày 9/9, các cố vấn Nhà Trắng đã cảnh báo riêng với Tổng thống Trump rằng cuộc xung đột có thể kéo dài đến hết nhiệm kỳ của ông.

* **Tính đến ngày 11/09/2026, giá dầu Brent trung bình từ đầu năm (YTD) đạt 87,7 USD/thùng,** cao hơn 5,7% so với dự báo kịch bản cơ sở năm 2026 trước đó của chúng tôi là 83 USD/thùng và thấp hơn 5,7% so với ước tính kịch bản cao trước đó là 93 USD/thùng.

* **Tồn kho dầu toàn cầu hiện chỉ còn cao hơn khoảng 130 triệu thùng so với mức đáy gần đây là khoảng 7,57 tỷ thùng ghi nhận vào tháng 5/2022 (đỉnh điểm xung đột Nga-Ukraine).** Từ cuối tháng 2 đến cuối tháng 8/2026, tồn kho giảm với tốc độ trung bình 2,4 triệu thùng/ngày. Với giả định tốc độ này tiếp diễn, chúng tôi ước tính sẽ mất khoảng 54 ngày kể từ cuối tháng 8 – tức khoảng cuối tháng 10/2026 – để tồn kho giảm về mức của tháng 5/2022.

* **Thuận lợi là việc các nhà máy lọc dầu châu Á đa dạng hóa nguồn cung dầu thô ra khỏi eo biển Hormuz giúp duy trì nguồn cung sản phẩm lọc dầu của khu vực, qua đó củng cố an ninh năng lượng của Việt Nam.** Trước khi xảy ra gián đoạn, khoảng 70% nguồn dầu thô của nhà máy lọc dầu Aster (Singapore) đến từ vùng Vịnh Ba Tư; đến tháng 9, khoảng 70% được cung cấp từ ngoài vùng Vịnh, bao gồm Tây Phi, Mỹ Latinh và Canada (trang 16). Chúng tôi cho rằng an ninh năng lượng của Việt Nam đang ở mức cao. Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn (nhà máy lớn nhất Việt Nam) thông báo đã đảm bảo khoảng 35 triệu thùng dầu thô thay thế đến hết tháng 9/2026. Ngoài ra, các chuyên gia trong ngành ước tính nguồn dầu vào đã được đảm bảo đến hết tháng 10. Trao đổi gần đây với Petrolimex và PVOIL cho thấy nguồn xăng dầu đầu vào đã được đảm bảo đến cuối năm. PLX cho biết ngoài các trung tâm cung ứng truyền thống tại Singapore và Hàn Quốc, công ty đã mở rộng mạng lưới nhà cung cấp toàn cầu.

* **Nhu cầu suy giảm sâu hơn trong năm 2026, trong khi sự phục hồi được kỳ vọng trong năm 2027:** Dự báo trung vị về tăng trưởng nhu cầu năm 2026 của IEA, EIA và OPEC đã giảm xuống -1,36 triệu thùng/ngày từ mức -1,1 triệu thùng/ngày trong lần tổng hợp trước. Đối với năm 2027, tăng trưởng nhu cầu trung vị được điều chỉnh tăng lên +2,4 triệu thùng/ngày từ +2,0 triệu thùng/ngày, cho thấy sự phục hồi mạnh mẽ khi dòng chảy bình thường hóa và giá dầu giảm.

*** Gián đoạn kéo dài khiến mức thiếu hụt năm 2026 sâu hơn, nhưng dư cung được kỳ vọng trong năm 2027, qua đó hỗ trợ giá dầu giảm YoY trong năm tới.** Kịch bản cơ sở của chúng tôi giả định dòng chảy qua eo biển Hormuz phục hồi lên 30% mức bình thường trong tháng 11 và tháng 12/2026 trở đi, duy trì ở mức khoảng 45% trong nửa đầu năm 2027 và bình thường hóa lên khoảng 85% trong nửa cuối năm 2027 (so với kỳ vọng trước đây của chúng tôi là bình thường hóa từ quý 4/2026). Lộ trình này hàm ý mức thiếu hụt nguồn cung thực tế trung bình là 7,3 triệu thùng/ngày trong năm 2026 (khoảng 7% nguồn cung toàn cầu), cao hơn ước tính trước đó của chúng tôi là 4,6 triệu thùng/ngày. Điều này cũng hàm ý thị trường dầu toàn cầu thiếu hụt 3,4 triệu thùng/ngày trong năm 2026 và dư cung 4,4 triệu thùng/ngày trong năm 2027 (dựa trên việc Hormuz bình thường hóa, sản lượng của OPEC+ và Mỹ tăng). Chúng tôi lưu ý rằng EIA dự báo thị trường có thể dư cung 4,9 triệu thùng/ngày trong năm 2027.

*** Mức dư cung dầu năm 2027 có thể thấp hơn** do nhu cầu toàn cầu có thể cao hơn kỳ vọng (được thúc đẩy bởi hoạt động tái tích trữ tồn kho, đặc biệt tại Trung Quốc; xem trang 14) và cơ sở hạ tầng dầu khí Trung Đông phục hồi chậm hơn dự kiến. Tính đến ngày 14/04/2026, Rystad Energy ước tính chi phí sửa chữa và khôi phục cơ sở hạ tầng năng lượng bị thiệt hại ở mức 34–58 tỷ USD.

*** Chúng tôi nhận thấy triển vọng tích cực đối với hoạt động thăm dò và khai thác trong nước.** Chúng tôi kỳ vọng cơ chế đặc thù cho PVN từ Chính phủ sẽ được phê duyệt trong quý 4, qua đó thúc đẩy chu kỳ đầu tư kéo dài nhiều năm của ngành dầu khí Việt Nam. Tiến độ của dự án Cá Voi Xanh (vốn đầu tư ước tính 5 tỷ USD) và Sư Tử Vàng (vốn đầu tư ước tính 1,9 tỷ USD) tốt hơn so với dự kiến của chúng tôi.

FRT: Mạng chăm sóc sức khỏe tiếp tục dẫn dắt tăng trưởng; mảng ICT đang trên đà phục hồi - Cập nhật

Ngành	Bán lẻ		2025	2026F	2027F	2028F
Ngày báo cáo	22/09/2026	TT Doanh thu	27%	28%	17%	12%
Giá hiện tại	130.100 VND	TT EPS	150%	74%	34%	18%
Giá mục tiêu	181.400 VND	Biên LN gộp	19,6%	20,4%	20,9%	21,1%
Giá mục tiêu gần nhất	171.500 VND	Biên LN ròng	1,6%	2,1%	2,4%	2,5%
TL tăng	+39,4%	EV/EBITDA	16,3x	10,0x	7,5x	6,6x
Lợi suất cổ tức	0,0%	P/E	29,4x	16,9x	12,6x	10,7x
Tổng mức sinh lời	+39,4%	ROE	26,1%	28,4%	28,5%	25,6%
GT vốn hóa	23,5 nghìn tỷ đồng		FRT	VNI		
Room KN	3,6 nghìn tỷ đồng	P/E (trượt)	20,5x	13,8x		
GTGD/ngày (30n)	89,4 tỷ đồng	P/B (hiện tại)	4,8x	2,0x		
Cổ phần Nhà nước	0,0%	ROE	29,7%	16,0%		
SL cổ phiếu lưu hành	178,8 tr	ROA	5,0%	2,4%		
Pha loãng	178,8 tr					

* Chúng tôi điều chỉnh tăng 6% giá mục tiêu cho CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (FRT) lên mức 181.400 đồng/cổ phiếu và duy trì khuyến nghị MUA.

* Quan điểm tích cực của chúng tôi đối với FRT được hỗ trợ bởi tăng trưởng lợi nhuận tích cực của chuỗi Long Châu (LC), trong khi chúng tôi kỳ vọng FPT Shop sẽ tiếp tục ghi nhận lãi ròng đến năm 2031. Chúng tôi cho rằng LC sẽ ngày càng tập trung hơn vào việc cải thiện biên lợi nhuận của mảng nhà thuốc sau năm 2026, sau giai đoạn mở rộng nhanh mạng lưới cửa hàng. Trong dài hạn, các mảng kinh doanh chăm sóc sức khỏe khác, bao gồm dịch vụ tiêm chủng (dự kiến bắt đầu đóng góp lợi nhuận từ năm 2027) và dịch vụ xét nghiệm (được thí điểm từ tháng 8/2026 và hiện chưa được đưa vào mô hình dự báo), sẽ trở thành các động lực tăng trưởng bổ sung.

* Giá mục tiêu cao hơn của chúng tôi phản ánh mức tăng 7% trong định giá của Long Châu, giúp bù đắp cho mức giảm 7% trong định giá của FPT Shop. Định giá cao hơn của Long Châu phản ánh mức tăng 4% trong tổng LNST sau lợi ích CĐTTS giai đoạn 2026–2030 và chi phí vốn bình quân gia quyền (WACC) giảm 4,2 điểm phần trăm, dù bị bù đắp một phần bởi giả định vốn lưu động cao hơn do chúng tôi điều chỉnh tăng dự báo số lượng cửa hàng mở mới. Trong khi đó, định giá thấp hơn của FPT Shop phản ánh WACC tăng 1,5 điểm phần trăm, lẫn át mức tăng 7% trong dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS giai đoạn 2026–2030 nhờ tăng trưởng doanh thu trên cùng cửa hàng (SSSG) cao hơn.

- * Chúng tôi dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026 của FRT tăng 74% YoY, chủ yếu nhờ mức tăng trưởng 83% YoY của Long Châu trong khi LNST sau lợi ích CĐTS của FPT Shop giảm 8% YoY.
- * Chúng tôi nhận thấy mức định giá của FRT là tương đối hấp dẫn khi cổ phiếu hiện đang giao dịch ở mức P/E dự phóng năm 2026/2027 lần lượt là 16,9 lần/12,6 lần (so với mức P/E dự phóng trung bình 4 năm là 22,0 lần) và PEG 5 năm ở mức 0,6 lần (dựa trên tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) LNST sau lợi ích CĐTS dự kiến đạt 30% trong giai đoạn 2025-2030).
- * **Yếu tố hỗ trợ:** Tốc độ mở mới của hàng Long Châu nhanh hơn dự kiến; biên lợi nhuận của Long Châu & FPT Shop cao hơn kỳ vọng; đóng góp từ mảng dịch vụ xét nghiệm (hiện chưa được đưa vào mô hình dự báo của chúng tôi).
- * **Rủi ro:** Số lượng cửa hàng mở mới và biên lợi nhuận của Long Châu thấp hơn dự kiến; biên lợi nhuận của FPT Shop thấp hơn kỳ vọng.

SCS: Việc dự án Long Thành (LTH) đi vào hoạt động trong nửa đầu năm 2027 sẽ gây áp lực lên lợi nhuận, được bù đắp một phần nhờ mức lợi suất cổ tức cao - Cập nhật

Ngành	DV/Hàng không		2025	2026F	2027F	2028F
Ngày báo cáo	22/09/2026	TT Doanh thu	15%	-3%	-19%	-9%
Giá hiện tại	44.300 VND	TT LNST-CĐTS	8%	1%	-19%	-9%
Giá mục tiêu	43.400 VND	TT EPS	9%	0%	-21%	-10%
Giá mục tiêu gần nhất*	50.700 VND	Biên LN gộp	78,4%	78,9%	76,0%	74,0%
DPS 12 tháng tới	5.000 VND	Biên LN ròng	62,8%	65,1%	65,1%	65,2%
TL tăng	-2,0%	EV/EBITDA	3,0x	3,1x	3,9x	4,4x
Lợi suất cổ tức	11,3%	P/E	6,2x	6,2x	7,8x	8,7x
GT vốn hóa	4,6 nghìn tỷ đồng				SCS	VNI
Room KN	1 nghìn tỷ đồng	P/E (trượt)			6,0x	13,8x
GTGD/ngày (30n)	5,3 tỷ đồng	P/B (hiện tại)			2,7x	2,0x
Cổ phần Nhà nước	13,6%	ROE			46,0%	16,0%
SL cổ phiếu lưu hành	95,9 tr	ROA			35,5%	2,4%
Pha loãng	95,9 tr					

*Đã điều chỉnh theo thay đổi số lượng cổ phiếu lưu hành gần đây do phát hành ESOP năm 2026.

- * Chúng tôi tiếp tục duy trì khuyến nghị PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG và giảm 14% giá mục tiêu của CTCP Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn (SCS) xuống còn 43.400 đồng/cổ phiếu, mặc dù nâng lần lượt 13%/12%/12%/16%/33% dự báo LNST sau lợi ích CĐTS các năm 2027/28/29/30/31 của chúng tôi. Việc nâng dự báo lợi nhuận chủ yếu phản ánh giả định mới của chúng tôi rằng Nhà ga hàng hóa số 1 tại Sân bay Quốc tế Long Thành (LTH-C1) sẽ bắt đầu vận hành trong nửa đầu năm 2027 (6T 2027), thay vì giữa năm 2026 như dự báo trước đây (theo [Báo cáo Cập nhật ACV ngày 06/04/26](#) của chúng tôi), qua đó khiến quá trình chuyển dịch hàng hóa quốc tế diễn ra chậm hơn và đẩy giá bán trung bình lên cao hơn, đồng thời cũng góp phần làm tăng dự báo thu nhập tài chính thuần của chúng tôi. Tuy nhiên, các yếu tố tích cực này lại bị lấn át bởi: (1) việc chuyển thời điểm định giá mục tiêu sang cuối năm 2027, khiến năm cơ sở để tính giá trị cuối kỳ trong mô hình định giá chiết khấu dòng tiền (CKDT) chuyển sang năm 2031 (khi dòng tiền tự do cho doanh nghiệp giảm do quá trình chuyển dịch hàng hóa từ Tân Sơn Nhất (TSN) sang LTH đã tiến triển đáng kể); cùng với (2) việc nâng giả định lãi suất phi rủi ro lên thêm 100 điểm cơ bản, là lý do chủ yếu khiến WACC tăng từ 10,8% lên 11,6%.
- * Đối với năm 2026, chúng tôi điều chỉnh tăng 7% dự báo LNST sau lợi ích CĐTS lên 760 tỷ đồng (+1% YoY), do giá bán trung bình và thu nhập tài chính ròng cao hơn kỳ vọng, cùng với giả định mới về việc chậm tiến độ của LTH-C1, qua đó bù đắp cho tác động tiêu cực từ sự sụt giảm của sản lượng hàng hóa do gián đoạn từ xung đột Trung Đông.
- * Chúng tôi dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2027 sẽ giảm 19% YoY khi LTH-C1 bắt đầu có tác động trực tiếp đến mảng hàng hóa quốc tế của SCS. Chúng tôi dự báo sản lượng hàng hóa quốc tế/giá bán trung bình gộp sẽ lần lượt giảm 17%/10% YoY. Dù vậy, chúng tôi vẫn điều chỉnh tăng 12% dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2027, chủ yếu do độ trễ của các yếu tố bất lợi từ LTH-C1, dự báo giá bán trung bình gộp cao hơn 10% và mức tăng 47% của thu nhập tài chính ròng (nhờ hưởng lợi từ môi trường lãi suất cao và lượng tiền mặt ròng lớn trên bảng cân đối kế toán của SCS).

* Áp lực lên lợi nhuận dự kiến sẽ tiếp tục tiếp diễn sau năm 2027 khi hàng hóa quốc tế dần chuyển từ Tân Sơn Nhất (SGN) sang Long Thành (LTH). Chúng tôi giả định LTH sẽ chiếm lần lượt 30%/40%/50%/60%/70%/80% sản lượng hàng hóa quốc tế khu vực phía Nam trong các năm 2027/28/29/30/31/32. Theo đó, chúng tôi dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS sẽ giảm lần lượt 19%/9%/8%/8%/9%/14% YoY đối với các năm trong giai đoạn 2027–32, trước khi bắt đầu phục hồi từ năm 2033 khi thị phần hàng hóa quốc tế của LTH đạt mức ổn định 80% theo giả định của chúng tôi cho năm 2032.

* Chúng tôi dự báo cổ tức tiền mặt trong 12 tháng tới sẽ ở mức 5.000 đồng/cổ phiếu (tương ứng tỷ lệ chi trả 70% và lợi suất cổ tức 11,3%).

* Tại giá thị trường hiện tại, SCS hiện đang giao dịch tại mức P/E dự phóng năm 2026/27/28 lần lượt là 6,2 lần/7,8 lần/8,7 lần, tức thấp hơn khoảng 2,0/1,3/1,0 độ lệch chuẩn so với P/E trung bình 5 năm của SCS là 10,7 lần. Chúng tôi cho rằng mức định giá này là tương đối hợp lý, và phản ánh sự cân bằng giữa mức lợi suất cổ tức cao của SCS và những rủi ro bất định đáng kể về lợi nhuận liên quan đến siêu dự án LTH.

* **Yếu tố hỗ trợ:** SCS trúng thầu vận hành LTH-C1; tốc độ chuyển dịch hàng hóa từ SGN sang LTH diễn ra chậm hơn dự kiến.

Giá mục tiêu & Khuyến nghị - Cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Ngành	Room NN	GT VH tr USD	GT GD/ 30N tr USD	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Tỷ lệ tăng	Lợi suất cổ tức	Tổng mức sinh lời	Khuyến nghị	Ngày báo cáo gần nhất	P/E 2025	P/E 2026	P/E Ngành trượt 12T*	P/B trượt 12T
STK	Dệt may	83%	47	0,0	7.900	16.000	103%	0,0%	103%	KQ	17/01/25	14,2	7,4	11,2	0,7
KDH	Bất động sản	27%	690	3,8	16.000	31.700	98%	0,0%	98%	MUA	28/08/26	18,1	12,5	17,4	1,0
MWG	Bán lẻ	0%	4.129	10,0	72.800	140.000	92%	5,8%	98%	MUA	17/08/26	15,1	9,1	10,0	3,0
PTB	Công nghiệp	10%	112	0,2	28.950	52.000	80%	7,3%	87%	KQ	06/10/25	3,9	5,0	12,1	0,8
DPG	Điện & Nước	31%	124	0,4	27.200	48.900	80%	2,2%	82%	MUA	11/06/26	8,4	8,8	13,3	1,1
HDC	Bất động sản	48%	104	0,5	11.800	21.400	81%	0,0%	81%	KQ	09/01/26	4,2	8,7	17,4	0,9
DMX	Bán lẻ	40%	3.742	2,3	76.800	130.600	70%	9,4%	79%	MUA	21/09/26	14,6	9,1	10,0	5,5
HDG	Điện & Nước	34%	251	0,8	16.050	28.700	79%	0,0%	79%	MUA	16/07/26	9,5	12,0	17,4	0,9
HVN	Hàng không	22%	2.499	0,7	20.900	37.100	78%	0,0%	78%	KQ	22/07/25	8,9	7,5	17,9	6,9
PLC	Dầu khí	-0%	60	0,1	19.200	31.900	66%	5,2%	71%	MUA	12/09/25	114,3	6,1	11,2	1,1
BMI	Bảo hiểm	24%	80	0,0	13.850	23.100	67%	3,6%	70%	MUA	12/04/24	9,2	5,5	14,5	0,7
VGC	KCN	48%	706	0,6	41.000	66.800	63%	5,4%	68%	MUA	11/05/26	13,8	11,5	13,3	2,2
GEX	Điện & Nước	44%	1.227	12,7	24.400	40.500	66%	2,0%	68%	MUA	06/07/26	21,8	21,6	11,5	1,6
F88	Tài chính TT	42%	520	0,4	58.600	98.000	67%	0,0%	67%	MUA	25/06/26	17,9	11,0	17,4	4,5
IDC	KCN	35%	539	1,6	33.600	51.200	52%	8,9%	61%	MUA	13/08/26	7,3	7,1	17,4	2,1
CTG	Ngân hàng	5%	9.238	9,9	30.950	48.800	58%	1,5%	59%	MUA	26/08/26	7,9	6,6	11,7	1,2
HPG	VLXD	27%	6.862	17,5	21.150	32.700	55%	2,8%	57%	MUA	18/08/26	11,8	7,2	12,1	1,3
NLG	Bất động sản	13%	444	2,9	23.800	36.800	55%	2,1%	57%	MUA	28/08/26	13,9	17,3	17,4	0,9
ACG	Gỗ	12%	181	0,0	31.200	45.800	47%	5,4%	52%	MUA	15/07/25	9,8	7,8	12,1	1,1
MBB	Ngân hàng	1%	7.778	10,3	20.100	29.600	47%	2,5%	50%	MUA	21/05/26	7,0	5,8	11,7	1,4
NT2	Điện & Nước	40%	230	0,4	20.750	29.000	40%	9,6%	49%	MUA	10/08/26	5,6	5,9	11,3	1,2
DGC	Công nghiệp	46%	523	1,6	35.800	52.100	46%	2,8%	48%	KQ	20/07/26	4,8	7,1	11,2	0,9
NVL	Bất động sản	45%	1.159	7,5	12.550	18.600	48%	0,0%	48%	MUA	18/06/26	15,6	20,3	17,4	0,6
PVS	Dầu khí	33%	783	5,2	33.200	49.000	48%	0,0%	48%	MUA	10/08/26	13,9	11,5	13,4	1,3
PHR	Công nghiệp	-10%	297	1,0	31.650	45.900	45%	2,3%	47%	MUA	15/07/26	17,6	4,9	11,2	1,7
VTP	GTVT	45%	380	1,7	48.950	71.800	47%	0,0%	47%	PHTT	25/05/26	20,4	24,4	11,5	4,3
SZC	KCN	19%	122	0,3	17.700	24.700	40%	5,6%	45%	KQ	01/07/26	10,0	24,3	17,4	1,0
MSN	Bán lẻ	76%	3.945	11,1	70.300	101.200	44%	0,0%	44%	MUA	21/05/25	24,7	23,9	11,5	2,6

SAB	Đồ uống/Thực phẩm	41%	2.201	1,1	44.650	59.000	32%	11,2%	43%	MUA	06/01/26	13,3	12,7	11,9	2,9
VRE	Bất động sản	38%	2.192	5,9	25.100	35.600	42%	0,0%	42%	MUA	04/09/26	8,8	10,2	17,4	1,2
QTP	Điện & Nước	-1%	190	0,0	11.000	14.600	33%	9,1%	42%	MUA	10/12/25	4,9	7,5	11,3	0,8
POW	Điện & Nước	46%	1.509	4,1	12.800	17.800	39%	0,0%	39%	MUA	17/08/26	16,4	8,2	11,3	1,0
FPT	CNTT	20%	4.827	24,0	66.600	90.300	36%	3,5%	39%	MUA	08/06/26	12,8	11,2	12,3	3,2
FRT	Bán lẻ	16%	900	3,0	131.000	181.400	38%	0,0%	38%	MUA	22/09/26	29,6	17,0	10,0	4,9
DXG	Bất động sản	34%	517	5,1	10.600	14.600	38%	0,0%	38%	MUA	28/08/26	59,6	62,7	17,4	0,9
VPB	Ngân hàng	7%	8.537	28,2	28.000	38.000	36%	1,8%	38%	MUA	18/05/26	9,3	7,2	11,7	1,3
KBC	KCN	42%	941	2,5	26.000	34.600	33%	3,8%	37%	MUA	20/08/26	11,6	12,2	17,4	1,0
CTR	CNTT	43%	353	0,6	71.800	96.800	35%	2,1%	37%	KQ	14/04/26	13,7	11,7	13,3	4,1
TCB	Ngân hàng	2%	8.796	23,8	32.300	42.600	32%	3,1%	35%	MUA	12/08/26	9,1	7,9	11,7	1,3
AST	DV Hàng không	3%	130	2,3	62.500	80.600	29%	5,6%	35%	MUA	26/08/25	11,3	10,9	10,0	4,7
TV2	Điện & Nước	-7%	67	0,1	25.700	33.000	28%	3,9%	32%	KQ	13/07/26	29,2	20,0	11,5	1,4
NKG	VLXD	45%	187	0,6	9.910	13.100	32%	0,0%	32%	PHTT	18/04/25	22,5	7,7	12,1	0,6
REE	Điện & Nước	0%	1.127	0,6	47.050	60.800	29%	2,1%	31%	MUA	20/08/26	11,6	10,3	11,5	1,4
BID	Ngân hàng	12%	10.821	5,9	36.200	47.300	31%	0,0%	31%	MUA	21/05/26	10,2	9,4	11,7	1,5
VCB	Ngân hàng	10%	18.914	13,6	58.900	76.500	30%	0,8%	31%	MUA	11/09/26	15,2	11,6	11,7	2,0
ACB	Ngân hàng	6%	4.907	6,2	22.000	28.000	27%	3,2%	30%	MUA	28/08/26	8,2	7,2	11,7	1,3
PPC	Điện & Nước	46%	109	0,0	8.820	11.000	25%	5,7%	30%	KQ	10/12/25	17,4	8,7	11,3	0,6
DHC	Công nghiệp	15%	151	0,6	37.100	45.800	23%	5,4%	29%	MUA	16/09/26	10,0	7,0	12,1	1,6
SSI	Chứng khoán	70%	2.416	19,4	20.950	25.800	23%	4,8%	28%	MUA	16/07/26	12,3	13,4	17,4	1,6
SCS	DV Hàng không	22%	163	0,2	44.350	51.200	15%	12,4%	28%	PHTT	13/01/26	5,6	6,0	17,9	2,7
GMD	GTVT	10%	1.288	3,4	77.400	95.800	24%	2,8%	27%	MUA	24/08/26	21,0	11,5	11,5	2,4
TPB	Ngân hàng	8%	1.519	3,9	14.250	17.400	22%	3,5%	26%	MUA	15/09/26	5,3	4,9	11,7	0,9
VHC	Đồ uống/Thực phẩm	82%	398	0,6	49.450	58.600	19%	6,1%	25%	KQ	30/07/26	7,8	7,3	11,9	1,1
BMP	VLXD	18%	453	0,4	144.100	163.000	13%	10,8%	24%	MUA	17/06/26	9,7	9,2	13,3	4,1
SIP	KCN	47%	467	0,1	50.200	58.900	17%	6,0%	23%	MUA	20/07/26	9,8	9,8	17,4	2,5
BWE	Điện & Nước	47%	401	0,2	41.500	49.600	20%	3,1%	23%	KQ	14/08/26	10,7	10,9	11,3	1,7
TLG	Văn phòng phẩm	90%	198	0,3	53.500	61.900	16%	6,5%	22%	MUA	12/09/25	11,5	8,7	7,8	2,0
HDB	Ngân hàng	5%	5.299	19,9	27.550	33.000	20%	1,8%	22%	MUA	06/03/26	7,6	6,6	11,7	1,6

VNM	Đồ uống/Thực phẩm	50%	4.915	7,1	61.200	70.300	15%	6,5%	21%	MUA	24/04/25	13,6	14,6	11,9	4,0
BVH	Bảo hiểm	22%	1.988	1,7	69.700	83.600	20%	1,4%	21%	MUA	11/06/26	18,6	12,8	14,5	2,0
DXS	Bất động sản	45%	122	0,5	5.480	6.600	20%	0,0%	20%	PHTT	28/08/26	9,3	13,6	17,4	0,5
PNJ	Bán lẻ	2%	704	9,9	35.800	42.900	20%	0,0%	20%	KQ	11/09/26	6,9	17,9	7,8	1,4
PC1	Điện & Nước	42%	330	1,3	20.850	24.700	18%	0,0%	18%	KQ	21/07/26	9,3	14,1	13,3	1,3
MCH	Bán lẻ	84%	7.205	4,4	143.400	163.000	14%	3,6%	17%	PHTT	28/11/25	27,8	25,2	11,9	10,0
QNS	Đồ uống/Thực phẩm	41%	701	0,5	49.500	53.400	8%	8,1%	16%	KQ	30/08/24	9,5	7,1	11,9	1,7
PLX	Xăng dầu	6%	1.815	7,9	36.500	41.100	13%	3,3%	16%	MUA	13/10/25	18,9	15,9	13,4	1,8
PVD	Dầu khí	42%	683	4,9	19.150	22.000	15%	0,0%	15%	KQ	21/08/26	19,8	19,4	13,4	1,0
VIB	Ngân hàng	2%	1.919	5,2	13.400	14.700	10%	3,7%	13%	KQ	18/08/26	6,9	5,5	11,7	1,0
DCM	Phân bón	44%	691	4,4	33.950	35.800	5%	5,9%	11%	MUA	04/09/26	10,0	8,7	11,2	1,6
DPM	Phân bón	47%	598	3,3	22.900	23.900	4%	6,6%	11%	KQ	04/09/26	17,5	10,9	11,2	1,4
ACV	Hàng không	47%	5.455	0,7	39.600	43.300	9%	0,0%	9%	PHTT	19/08/26	12,7	12,5	11,5	1,9
PVT	Dầu khí	33%	479	4,9	24.100	25.200	5%	4,1%	9%	MUA	13/08/26	12,5	8,0	11,5	1,3
GAS	Dầu khí	47%	7.975	6,2	86.000	90.000	5%	3,5%	8%	MUA	29/07/26	19,1	16,3	11,3	3,0
HSG	VLXD	46%	313	1,0	10.100	10.400	3%	5,0%	8%	PHTT	18/04/25	13,0	13,9	12,1	0,7
VHM	Bất động sản	43%	21.910	30,1	69.400	74.000	7%	0,0%	7%	PHTT	28/08/26	13,6	9,5	17,4	2,2
DGW	Bán lẻ	22%	387	3,4	45.100	45.400	1%	2,2%	3%	KQ	18/06/26	18,2	15,5	10,0	2,7
GVR	Công nghiệp	-1%	4.950	2,9	32.200	32.100	-0%	1,2%	1%	PHTT	20/07/26	24,2	18,8	11,2	2,1
TDM	Điện & Nước	49%	278	0,0	59.100	57.700	-2%	2,2%	-0%	PHTT	14/08/26	34,0	33,9	11,3	2,8
VEA	Ô-tô	48%	1.883	0,4	36.900	30.800	-17%	13,1%	-3%	PHTT	28/10/25	6,7	6,9	11,5	2,1
STB	Ngân hàng	19%	5.557	17,7	76.700	73.500	-4%	0,0%	-4%	PHTT	15/09/26	26,9	24,2	11,7	2,3
BSR	Lọc hóa dầu	47%	6.033	14,0	31.350	29.250	-7%	2,2%	-4%	MUA	07/08/26	30,3	7,8	13,4	2,1
OIL	Dầu khí	6%	569	1,5	14.300	12.700	-11%	0,7%	-10%	KQ	17/10/25	34,9	31,6	13,4	1,4
LPB	Ngân hàng	3%	5.315	7,5	46.300	39.300	-15%	2,2%	-13%	KKQ	18/11/25	12,2	12,8	11,7	3,2
VJC	Hàng không	24%	4.017	6,6	135.900	114.000	-16%	0,0%	-16%	KQ	15/03/24	37,9	15,2	17,9	4,0
VIC	Bất động sản	45%	72.727	59,6	243.800	117.000	-52%	0,0%	-52%	BÁN	14/09/26	160,4	71,4	17,4	11,1

Nguồn: Fiinpro, Vietcap (phân loại ngành của Vietcap; khuyến nghị của chuyên viên phân tích được công bố trong báo cáo cập nhật gần nhất), KQ: KHẢ QUAN, PHTT; PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG, KKQ: KÉM KHẢ QUAN, KĐG: KHÔNG ĐÁNH GIÁ. *P/E trượt của ngành dựa trên phân loại của ICB, có thể khác với phân loại ngành của Vietcap

Thống kê Danh mục khuyến nghị của Vietcap

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
MUA	51	145.181	2.847	20	14,7	11,4	9,1	15,4	1,6	24,9	16,1	11,5	1,9	3,6%
KHẢ QUAN	20	14.642	732	2	11,0	11,4	9,8	13,4	1,8	21,6	14,3	12,8	1,8	2,9%
PHÙ HỢP TT	12	48.403	4.034	3	17,6	15,6	12,4	16,5	2,3	18,2	18,1	16,4	2,7	3,1%
KÉM KHẢ QUAN	1	5.315	5.315	0	15,0	12,2	12,8	10,4	3,2	15,0	12,2	12,8	3,2	2,2%
BÁN	1	72.727	72.727	1	152,4	160,4	71,4	77,0	11,1	152,4	160,4	71,4	11,1	0,0%
TỔNG CỘNG	85	286.268	3.368	26	19,4	15,9	12,5	16,9	2,3	24,6	17,6	13,2	2,1	3,3%

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
Ngân hàng	12	88.602	7.383	11	11,3	9,9	8,3	12,7	1,5	11,0	10,5	9,1	1,6	2,0%
Bảo hiểm	2	2.069	1.034	1	23,6	17,9	12,1	21,8	1,9	17,3	13,9	9,1	1,4	2,5%
Chứng khoán	1	2.416	2.416	1	16,8	12,3	13,4	15,1	1,6	16,8	12,3	13,4	1,6	4,8%
Tài chính thay thế	1	520	520	0	36,7	17,9	11,0	30,0	4,5	36,7	17,9	11,0	4,5	0,0%
Tiêu dùng	14	31.662	2.262	4	18,2	15,2	13,1	20,6	3,5	22,1	15,2	13,3	3,4	5,3%
CNTT	1	4.827	4.827	1	15,6	12,8	11,2	17,4	3,2	15,6	12,8	11,2	3,2	3,5%
Bất động sản	9	99.863	11.096	2	62,7	39,9	27,0	26,5	4,4	36,0	33,7	25,1	2,1	0,2%
Vật liệu	4	7.817	1.954	1	14,9	11,8	7,5	17,7	1,2	12,8	14,3	9,5	1,7	4,6%
Điện & Nước	12	5.841	487	1	19,8	12,8	10,9	17,9	1,2	25,1	14,9	13,5	1,3	3,3%
Dầu khí	10	19.685	1.969	2	28,5	20,5	11,5	21,2	2,1	48,6	29,1	13,6	1,6	3,2%
Công nghiệp	5	1.013	203	0	6,6	5,8	6,9	8,6	0,9	22,6	8,5	6,9	1,0	4,2%
Khu công nghiệp	7	8.022	1.146	1	22,6	16,5	13,6	19,1	1,8	21,5	13,5	12,7	1,8	4,8%
GTVT & Logistics	7	13.932	1.990	1	13,3	14,8	11,6	17,3	2,8	16,8	16,8	12,6	3,8	3,0%
TỔNG CỘNG	85	286.268	3.368	26	19,4	15,9	12,5	16,9	2,3	24,6	17,6	13,2	2,1	3,3%

Nguồn: Fiinpro, Vietcap
 Ghi chú: P/E dự phóng dựa theo dự báo của Vietcap
 *FPT được phân loại lại từ nhóm Tiêu dùng sang CNTT

Cập nhật KQKD Q2 2026 – Các cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Tăng trưởng EPS 6T 2026 so với cùng kỳ	Tăng trưởng EPS 2026F	Khuyến nghị cũ	Khuyến nghị mới	Nhận xét
Ngân hàng					
ACB	1%	14%	MUA		KQKD 6T 2026 khả quan, phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi; mảng cho vay khách hàng cá nhân & SME và NIM cải thiện đáng kể
BID	15%	8%	KQ		NIM hồi phục trong quý 2 nhưng vẫn thấp hơn kỳ vọng của chúng tôi
CTG	37%	17%	MUA		Quý 2 bứt phá nhờ NIM cải thiện mạnh, vượt kỳ vọng của chúng tôi
HDB	33%	17%	KQ		Tăng trưởng lợi nhuận mạnh nhờ đóng góp của các công ty con; chất lượng tài sản là điểm cần theo dõi
LPB	-3%	-4%	KKQ		KQKD kém hơn kỳ vọng do chi phí hoạt động và chi phí tín dụng tăng mạnh tiếp tục gây áp lực lớn lên đà tăng trưởng lợi nhuận trong quý 2
MBB	26%	20%	MUA		Mức tăng trưởng tín dụng mạnh và sự phục hồi của NIM hỗ trợ lợi nhuận tăng cao hơn kỳ vọng
STB	-50%	11%	PHTT		KQKD thấp hơn kỳ vọng do chất lượng tài sản suy giảm mạnh
TCB	15%	15%	MUA		KQKD của ngân hàng vượt kỳ vọng của chúng tôi, đặc biệt là về tăng trưởng tín dụng. Các chỉ tiêu chính khác bao gồm thu nhập từ phí, NIM và chất lượng tài sản đều có xu hướng tích cực.
TPB	5%	5%	MUA		Tăng trưởng tín dụng mạnh và đóng góp cao từ thu nhập ngoài lãi giúp hỗ trợ lợi nhuận; KQKD nhìn chung phù hợp với dự báo
VCB	37%	19%	MUA		Lợi nhuận cao hơn đáng kể so với kỳ vọng nhờ NIM cải thiện và thu nhập ngoài lãi tăng mạnh
VIB	7%	16%	KQ	KQ	NIM tiếp tục giảm; thu nhập ngoài lãi thúc đẩy lợi nhuận
VPB	66%	29%	MUA		KQKD tích cực được dẫn dắt bởi cả ngân hàng mẹ và mảng kinh doanh chứng khoán; bảng cân đối kế toán mở rộng mạnh mẽ
ĐCTC phi ngân hàng					
BMI	15%	68%	MUA		EPS tăng 15% YoY nhờ tăng trưởng phí bảo hiểm
BVH	36%	33%	MUA		Đà tăng trưởng mạnh của phí bảo hiểm phi nhân thọ và môi trường lãi suất thuận lợi giúp thúc đẩy lợi nhuận vượt kỳ vọng
SSI	28%	-7%	MUA		KQKD 6T 2026 ghi nhận đà tăng trưởng mạnh bất chấp thị trường biến động
F88	109%	62%	MUA		ROE đạt mức cao mới trong 6T 2026; kết quả kinh doanh phù hợp với kỳ vọng
Tiêu dùng					
CTR	21%	17%	KQ		KQKD quý 2 tiếp tục khả quan nhờ tăng trưởng từ mảng xây dựng và giải pháp điện năng lượng mặt trời
DGW	130%	17%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2/2026 tăng mạnh 167% YoY nhờ doanh thu khả quan của mảng máy tính xách tay và thiết bị văn phòng, biên lợi nhuận gộp cải thiện
FPT	15%	14%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2/2026 tăng 14% YoY, nhìn chung phù hợp với dự báo; doanh thu kỳ mới mảng CNTT nước ngoài phục hồi từ mức nền thấp
FRT	119%	74%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2/2026 tăng mạnh 188% YoY, nhờ lợi nhuận của Long Châu tăng trưởng tích cực
MSN (2)	188%	42%	MUA		Mức lợi nhuận cao kỷ lục đưa ROE nửa đầu năm 2026 lên mức 19%, trong khi tỷ lệ nợ thuần/EBITDA giảm xuống mức 2,4 lần

MCH	12%	14%	PHTT		Doanh thu và lợi nhuận Q2 2026 phục hồi YoY từ nền thấp nhưng thấp hơn kỳ vọng
MWG	88%	18%	MUA		Doanh thu tăng 30% YoY trong Q2 2026, doanh thu/cửa hàng BHX cải thiện; LNST 6T gần gấp đôi YoY
DMX	98%	61%		MUA	Năm trụ cột dự kiến nên giai đoạn tăng trưởng tiếp theo
PNJ	11%	-61%	PHTT	KQ	Ghi nhận lỗ ròng 283 tỷ đồng trong quý 2/2026, chủ yếu do trích lập dự phòng liên quan đến hoạt động mua lại
QNS	2%	33%	KQ		LNTT Q2 2026 tăng 7% YoY, sửa thực vật tăng trưởng mạnh; giá đường thấp hạn chế lợi nhuận
SAB	18%	1%	MUA		Biên lợi nhuận gộp vẫn vững vàng nhưng chi phí A&P gây áp lực lên lợi nhuận quý 2
TLG	4%	20%	MUA		Tăng trưởng xuất khẩu tích cực hỗ trợ doanh thu 6 tháng đầu năm, KQKD nhìn chung phù hợp với kỳ vọng
VEA	17%	-7%	PHTT		Lợi nhuận quý 2 tăng 5% YoY trong bối cảnh lợi nhuận từ các công ty liên kết đi ngang
VHC	9%	7%	MUA	KQ	Lợi nhuận quý 2 chịu áp lực do thu nhập tài chính ròng giảm và hoàn nhập dự phòng thu hẹp
VNM	38%	6%	MUA		LNST sơ bộ Q2 2026 tăng 28% YoY nhân kỷ niệm 50 năm
GTVT & Logistics					
ACV	11%	-3%	PHTT	PHTT	LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2 tăng 29% YoY nhờ lãi tỷ giá và thu nhập từ công ty liên kết dù doanh thu hàng không hạ nhiệt; nhìn chung phù hợp với kỳ vọng
AST	52%	6%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS 6T tăng 52% YoY nhờ hoạt động kinh doanh cốt lõi tích cực và đóng góp từ công ty liên kết; vượt mức kỳ vọng
GMD (2)	22%	31%	MUA	MUA	KQKD tốt hơn của cụm cảng phía Nam so với phía Bắc dự kiến sẽ thúc đẩy lợi nhuận cốt lõi năm 2026
HVN	-43%	19%	PHTT		Quý 2 ghi nhận lỗ do cú sốc chi phí nhiên liệu dù doanh thu tăng trưởng mạnh; rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo
SCS	1%	-6%	PHTT		Lợi nhuận cải thiện so với quý trước từ mức nền thấp, nhưng giảm nhẹ so với cùng kỳ; phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi
VJC	4%	N.A	KQ		Gián đoạn tại Trung Đông và chi phí nhiên liệu ở mức cao ảnh hưởng đến lợi nhuận cốt lõi quý 2; giao dịch SALB & ROFR hỗ trợ doanh thu bảo cáo
VTP	-40%	-16%	PHTT		Lợi nhuận tiếp tục suy yếu do mức giảm của biên lợi nhuận mảng dịch vụ và sự gia tăng của chi phí bán hàng & quản lý doanh nghiệp
Bất động sản					
DXG	-30%	-5%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS 6T 2026 giảm 30% YoY do biên lợi nhuận thu hẹp
DXS	-40%	-32%	KQ	PHTT	Hoạt động môi giới chậm lại và các khoản trích lập dự phòng khiến KQKD quý 2 thấp hơn kỳ vọng
HDC	41%	-51%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2/2026 được hỗ trợ bởi khoản thu nhập khác; đã nhận đủ số tiền từ việc chuyển nhượng dự án Đại Dương
NVL	N.M.	-23%	MUA		Lợi nhuận nửa đầu năm vượt dự báo cả năm 2026 nhờ khoản lãi thoái vốn trong quý 2
KDH	218%	45%	MUA	MUA	Dự án Gladia và Bình Trưng Đông thúc đẩy triển vọng doanh số bán BĐS giai đoạn 2026-27
NLG	-53%	-20%	MUA	MUA	Hoạt động mở bán và bàn giao dự kiến sẽ tăng tốc, qua đó hỗ trợ cho đà tăng trưởng của lợi nhuận
VHM	372%	43%	PHTT	PHTT	Đẩy mạnh hoạt động bán lẻ lớn tại các đại dự án; tiềm năng từ các dự án hạ tầng chưa được đưa vào dự báo
VIC	182%	125%	BÁN	BÁN	Lợi nhuận mảng BĐS tích cực, doanh số xe điện tăng trưởng ổn định, nhu cầu huy động vốn gia tăng

VRE	33%	-13%	PHTT	MUA	Hoạt động cho thuê duy trì ổn định trong nửa cuối năm 2026; mảng bán BĐS mới đóng góp từ năm 2027
Khu công nghiệp					
GVR	73%	15%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTS 6T 2026 tăng 73% YoY chủ yếu nhờ thu nhập thuần khác, vượt kỳ vọng của chúng tôi
IDC	37%	3%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS 6T 2026 tăng 37% YoY nhờ lượng bàn giao đất KCN cao hơn; doanh số cho thuê đất KCN phục hồi đúng kỳ vọng
KBC	-80%	-5%	MUA	MUA	Lợi nhuận 6T 2026 giảm mạnh 80% YoY chủ yếu do lượng đất KCN bàn giao thấp và chi phí tài chính ở mức cao
PHR	245%	118%	MUA		Thu nhập từ bồi thường đất thúc đẩy lợi nhuận 6T 2026 tăng mạnh 245% YoY, phù hợp với kỳ vọng
SIP	18%	6%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS 6T 2026 tăng 18% YoY, nhìn chung phù hợp với kỳ vọng
SZC	-84%	-59%	KQ		Lợi nhuận nửa đầu năm 2026 sụt giảm mạnh so với cùng kỳ do thay đổi phương pháp ghi nhận doanh thu, trong khi doanh số cho thuê đất KCN phục hồi mạnh
Vật liệu & Công nghiệp					
ACG (2)	27%	19%	MUA		Doanh thu tiếp tục vượt kỳ vọng nhờ doanh số trong nước tích cực trong quý 2, lợi nhuận cốt lõi nhìn chung phù hợp với dự báo
BMP	9%	5%	MUA		Lợi nhuận thiết lập kỷ lục mới nhờ biên lợi nhuận ròng đạt mức cao nhất trong một thập kỷ, bù đắp cho mức sụt giảm mạnh về sản lượng; phù hợp với kỳ vọng
DGC	-52%	-33%	MUA	KQ	LNST sau lợi ích CĐTS 6T 2026 giảm 52% YoY do sản lượng giảm YoY và áp lực chi phí; kế hoạch ĐHCĐ năm 2026 cho thấy rủi ro giảm dự báo
DHC	99%	3%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS quý 2 tăng hơn 2 lần YoY nhờ giá giấy tích cực và biên lợi nhuận mở rộng; KQKD 6 tháng đầu năm vượt đáng kể so với kỳ vọng
HPG (2)	49%	37%	MUA	MUA	Triển vọng lợi nhuận tích cực được duy trì cùng với mức định giá hấp dẫn
HSG (1)	5%	-5%	PHTT		LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi quý 3 tăng mạnh nhờ biên lợi nhuận cải thiện đáng kể; tiềm năng điều chỉnh tăng dự báo ngắn hạn nhưng triển vọng dài hạn không thay đổi
NKG	102%	480%	PHTT		Lợi nhuận quý 2/2026 tăng mạnh nhờ sản lượng phục hồi và biên lợi nhuận cải thiện; tuy nhiên, lợi nhuận 6T vẫn thấp hơn so với dự báo
PTB	17%	-19%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTS nửa đầu năm tăng 17% YoY; tiềm năng điều chỉnh tăng đối với dự báo
STK	N.M.	231%	KQ		Sự phục hồi của sản lượng vẫn chưa đủ bù đắp gánh nặng khấu hao và chi phí lãi vay từ Unitex
Điện & Nước					
BWE (2)	8%	-12%	MUA	KQ	Lợi nhuận mảng nước tích cực trong nửa đầu năm bù đắp cho mức lợi nhuận giảm từ các mảng khác
GEX	-19%	1%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS quý 2 giảm so với cùng kỳ do chi phí lãi vay cao đủ lợi nhuận của GEE/VGC tăng mạnh; không có thay đổi đáng kể đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026
HDG	-27%	22%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo giảm YoY do các chi phí bất thường; dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026 đối mặt với rủi ro giảm nhẹ
NT2	60%	-6%	MUA	MUA	Sản lượng điện thương phẩm tăng mạnh 57% YoY thúc đẩy tăng trưởng LNST; tiềm năng điều chỉnh tăng
PC1	72%	-34%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi 6T giảm nhẹ YoY; tuy nhiên sẽ không có sự thay đổi đáng kể đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026

POW	350%	101%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi 6T 2026 tăng gấp đôi YoY, hoàn thành 115% dự báo năm 2026 của chúng tôi; triển vọng 6T cuối năm tích cực; tiềm năng điều chỉnh tăng đáng kể
PPC	184%	99%	KQ		LNST báo cáo 6T 2026 tăng 2,8 lần YoY nhờ thu nhập cố tức; lợi nhuận mảng phát điện vẫn thấp hơn kỳ vọng
QTP	44%	-35%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS 6T 2026 tăng 44% YoY nhờ chênh lệch giá mở rộng; vượt kỳ vọng
REE	9%	17%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS quý 2 tăng 9% YoY bất chấp El Nino
TDM (2)	-47%	18%	KQ	PHTT	LNST sau lợi ích CĐTS 6T 2026 hoàn thành 64% dự báo cả năm, phù hợp kỳ vọng.
TV2	370%	46%	KQ		LNST 6T 2026 tăng gấp 3 lần YoY, khoản trả trước lớn từ khách hàng hỗ trợ doanh thu EPC, tiềm năng điều chỉnh tăng dự báo
DPG	12%	-4%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS 6T 2026 hoàn thành 49% dự báo cả năm, nhìn chung phù hợp kỳ vọng
VGC	3%	12%	MUA		LNST quý 2 tăng trưởng nhờ diện tích bàn giao KCN tăng gấp đôi so với cùng kỳ và đa phục hồi đúng tiến độ của mảng VLXD, phù hợp với kỳ vọng
Dầu khí					
BSR	1194%	289%	PHTT	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo 6T 2026 tăng 13 lần YoY nhờ biên lợi nhuận vượt trội; cao hơn kỳ vọng
DCM (2)	55%	61%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS quý 2 +36% YoY, +36% QoQ nhưng có rủi ro điều chỉnh giảm dự báo LNST 2026
DPM	117%	82%	PHTT		LNST quý 2 tăng 2,3 lần YoY; tuy nhiên, dự báo LNST năm 2026 đối mặt với rủi ro giảm
GAS	17%	10%	MUA		LNST cốt lõi quý 2 tăng 59% YoY, tiềm năng điều chỉnh tăng nhẹ với dự báo cốt lõi
OIL (2)	95%	39%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo 6T 2026 tăng 84% YoY dù ghi nhận lỗ trong quý 2, kết quả nhìn chung cao hơn nhẹ so với kỳ vọng
PLX (2)	39%	19%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS 6T tăng 36% YoY nhờ hoàn nhập dự phòng và sản lượng bán tăng; kết quả nhìn chung cao hơn nhẹ so với kỳ vọng
PLC	186%	834%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS 6T 2026 tăng gần gấp 3 lần YoY nhờ biên lợi nhuận mở rộng; tiềm năng điều chỉnh tăng dự báo
PVD (2)	70%	30%	MUA	KQ	LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi 6T 2026 tăng 66% YoY, trong khi quý 2 giảm 11% YoY; thấp hơn dự báo
PVS (2)	-32%	6%	MUA	MUA	LNST 6T 2026 tăng 37% YoY; LNST cốt lõi nhìn chung phù hợp với kỳ vọng
PVT (2)	65%	58%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi 6T 2026 tăng 64% YoY nhờ giá cước tàu chở dầu tăng và đội tàu mở rộng; cao hơn nhẹ so với kỳ vọng

(*) Ghi chú: Chúng tôi sẽ cập nhật kết quả của từng công ty khi KQKD được công bố. (1) Năm tài chính của HSG bắt đầu từ ngày 01/10 đến ngày 30/09. Do đó KQKD quá khứ trên là tăng trưởng của EPS quý 2 + quý 3 năm tài chính 2026. (2) Dựa trên LN cốt lõi, không bao gồm các khoản bất thường.

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Δ
VNIndex	1.816,93	17,26
VN 30	1.965,36	12,10
VN Mid	1.886,90	15,98
VNSmall	1.234,96	6,45

Sàn GDCK Hà Nội (HNX)

	Điểm	Δ
HNXINDEX	276,93	2,55
HNX30	451,81	1,92
VNX Allshare	2.874,81	17,71

Sàn Upcom (UPCOM)

	Điểm	Δ
UpCom	126,13	-0,22

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	2.778,8	21,3%
Khối ngoại mua	1.597,8	12,3%
Khối ngoại bán	1.543,7	11,8%
Tổng giao dịch	13.030,4	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	105,1	16,2%
Khối ngoại mua	14,9	2,3%
Khối ngoại bán	10,2	1,6%
Tổng giao dịch	650,1	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	84,7	21,9%
Khối ngoại mua	10,8	2,8%
Khối ngoại bán	4,4	1,1%
Tổng giao dịch	387,2	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
PET	2.700	7,0%
GEE	4.300	6,9%
PVP	1.250	6,9%
TVS	1.000	6,9%
DCL	2.600	6,0%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
DL1	200	5,0%
NVB	600	4,5%
EVS	200	3,8%
LAS	300	2,5%
C69	400	2,5%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
VCR	4.893	10,2%
MSR	2.685	5,3%
DHB	360	3,0%
SCL	604	2,4%
PHP	936	2,1%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
KOS	-1.950	-7,0%
CTF	-1.450	-7,0%
SSB	-1.550	-6,9%
TDP	-1.500	-5,3%
TEG	-270	-4,6%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
IDJ	-100	-2,9%
KSF	-500	-0,6%
VIT	-100	-0,4%
PVS	-100	-0,3%
VFS	0	0,0%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
SEA	-7.209	-10,3%
HBC	-82	-2,3%
PCB	-173	-1,9%
TIN	-1.597	-1,6%
F88	-945	-1,6%

(*) GT vốn hóa > 500 tỷ đồng VND, Giá trị GD > 1,5 tỷ đồng

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
MSN	642,9
VIX	596,3
VHM	535,1
VPB	463,5
FPT	437,1

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
PVS	124,8
HUT	107,4
IDC	65,6
SHS	60,5
CEO	39,6

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
MSR	116,9
TIN	61,6
OIL	45,2
ABB	10,2
VGI	9,7

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
ASG	3.361.151	84.138
TVS	755.651	142.711
TEG	469.000	99.806
HAP	212.404	50.316
TLG	698.886	171.098
PC1	6.550.562	1.680.060
LDG	2.184.766	572.187
TLD	731.038	200.802
OCB	21.181.703	6.449.894
BVB	4.873.775	1.520.680

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
AMV	3.666.649	353.410
NAG	303.969	81.107
DL1	487.199	140.590
NVB	2.320.548	743.695
VIT	254.644	133.729
NDN	164.802	98.155
LAS	248.297	163.222
IDJ	464.703	308.323
PPT	351.900	233.756
IDC	1.941.869	1.307.096

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
HHG	644.515	71.976
TIN	635.301	114.310
CVN	1.035.500	188.437
MML	312.830	58.933
VNE	1.339.119	289.054
PIV	203.153	55.494
DDB	170.200	50.472
QTP	174.271	70.715
DHB	112.743	64.584
C4G	237.891	141.786

(*) Có ít nhất 50.000 cổ phiếu giao dịch trong phiên hôm nay

Top 5 mã vốn hóa lớn nhất của mỗi ngành

Dịch vụ tài chính **

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.438		14,4	1,9	14,1%
TCX	3.966	91,3%	16,7	2,3	13,7%
VCK	2.704	96,4%	15,1	2,3	17,2%
SSI	2.416	69,9%	12,0	1,6	13,4%
VPX	1.787	96,0%	8,6	1,3	16,2%
HCM	1.318	14,2%	19,7	2,3	9,8%

Bảo hiểm

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	614		11,3	1,4	13,0%
BVH	1.988	21,6%	15,6	2,0	13,3%
PVI	642	43,1%	12,6	1,8	15,2%
BIC	168	7,5%	10,2	1,3	13,1%
VNR	143	22,8%	8,1	0,9	11,3%
MIG	129	82,7%	10,0	1,2	12,4%

Công nghiệp

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.606		13,9	3,3	25,6%
ACV	5.455	47,3%	12,8	1,9	15,7%
MVN	2.766	0,0%	25,6	4,7	19,4%
VEA	1.883	47,6%	6,3	2,1	28,1%
GEE	1.637	49,1%	11,9	5,3	45,7%
GMD	1.288	10,1%	12,9	2,4	19,3%

Hàng tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.816		18,0	4,3	24,6%
MCH	7.205	84,0%	26,4	10,0	40,1%
VNM	4.915	50,2%	11,7	4,0	33,9%
MSN	3.945	75,9%	15,2	2,6	19,4%
SAB	2.201	41,1%	12,0	2,9	22,3%
SBT	812	78,8%	24,7	1,8	7,3%

Dầu khí

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.977		14,4	1,5	13,8%
BSR	6.033	47,5%	7,9	2,1	30,5%
PLX	1.815	5,7%	14,4	1,8	12,5%
PVS	783	33,2%	9,7	1,3	14,0%
PVD	683	41,9%	16,0	1,0	6,5%
OIL	569	6,4%	24,2	1,4	5,7%

Tiện ích

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.467		11,0	2,0	19,5%
GAS	7.975	46,9%	16,3	3,0	18,9%
POW	1.509	46,3%	6,3	1,0	16,2%
REE	1.127	0,0%	11,1	1,4	12,6%
PGV	991	50,0%	5,2	1,4	28,3%
DNH	730	0,0%	15,9	3,4	21,8%

Bất động sản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	20.277		84,9	5,4	28,4%
VIC	72.727	44,9%	88,6	11,1	13,9%
VHM	21.910	43,4%	7,1	2,2	32,6%
KSF	2.708	50,0%	4,6	3,3	77,2%
VRE	2.192	37,8%	7,9	1,2	15,0%
THD	1.849	48,9%	316,1	9,5	3,3%

Ngân hàng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	11.261		8,4	1,4	18,3%
VCB	18.914	10,0%	11,8	2,0	17,9%
BID	10.821	12,5%	8,5	1,5	18,2%
CTG	9.238	5,4%	6,0	1,2	21,9%
TCB	8.796	1,6%	8,4	1,3	15,7%
VPB	8.537	7,2%	7,5	1,3	17,7%

Dịch vụ tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	4.003		27,2	4,5	20,7%
VPL	5.631	42,5%	48,5	3,3	7,8%
MWG	4.129	0,0%	10,9	3,0	29,2%
VJC	4.017	23,8%	48,0	4,0	8,6%
DMX	3.742	40,1%	15,0	5,5	0,0%
HVN	2.499	21,6%	13,4	6,9	58,1%

Vật liệu cơ bản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.211		13,3	2,8	27,0%
HPG	6.862	27,3%	7,7	1,3	17,4%
GVR	4.950	-0,6%	18,4	2,1	12,0%
MSR	2.254	99,2%	24,0	4,1	19,0%
KSV	1.296	0,0%	9,6	5,1	62,9%
DCM	691	44,0%	6,9	1,6	23,6%

Y tế

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	238		34,0	2,8	15,8%
DHG	455	46,0%	12,3	3,5	24,1%
IMP	223	5,4%	16,1	2,5	15,6%
DHT	186	9,3%	120,7	4,4	3,7%
DBD	170	83,5%	15,3	2,6	16,6%
DVN	156	-0,0%	5,9	1,1	18,9%

Công nghệ

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.048		15,4	1,8	13,7%
FPT	4.827	20,5%	12,5	3,2	26,5%
CMG	207	13,7%	13,7	1,6	12,3%
SAM	94	48,5%	21,7	0,6	2,8%
ELC	59	46,0%	11,5	1,1	10,5%
VEC	51	-0,0%	17,6	2,7	16,3%

Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB, GT vốn hóa (triệu USD), FOL còn lại (%)

** ngoại trừ ngân hàng

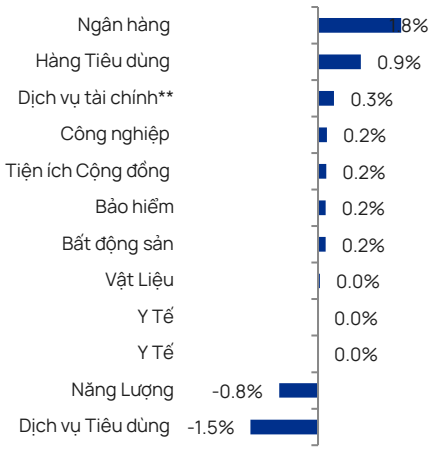
Diễn biến hằng ngày theo ngành

Sàn giao dịch chứng khoán

Tp. Hồ Chí Minh (HSX)

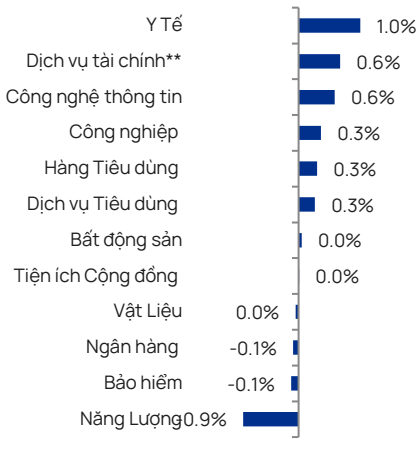


Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)

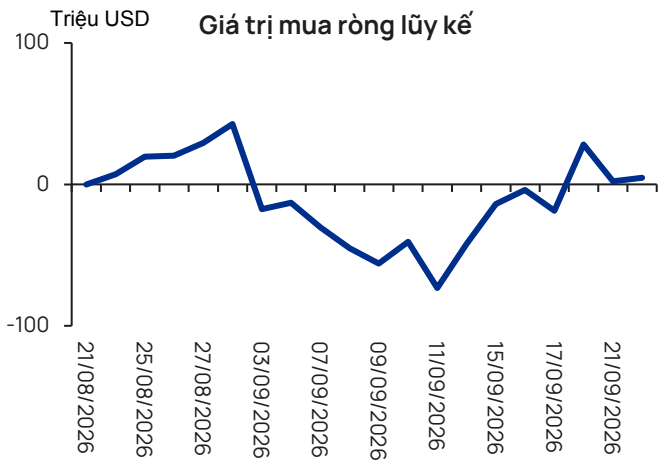


Sàn giao dịch chứng khoán

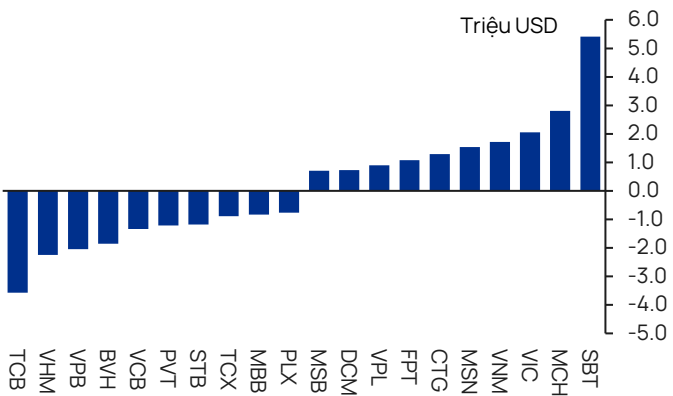
Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội (HSX+HNX)



GTGD của khối ngoại cộng dồn trong 20 ngày
(HSX, HNX, UPCOM)



Các mã khối ngoại mua ròng và bán ròng cao nhất nhất
(HSX, HNX, UPCOM) trong ngày

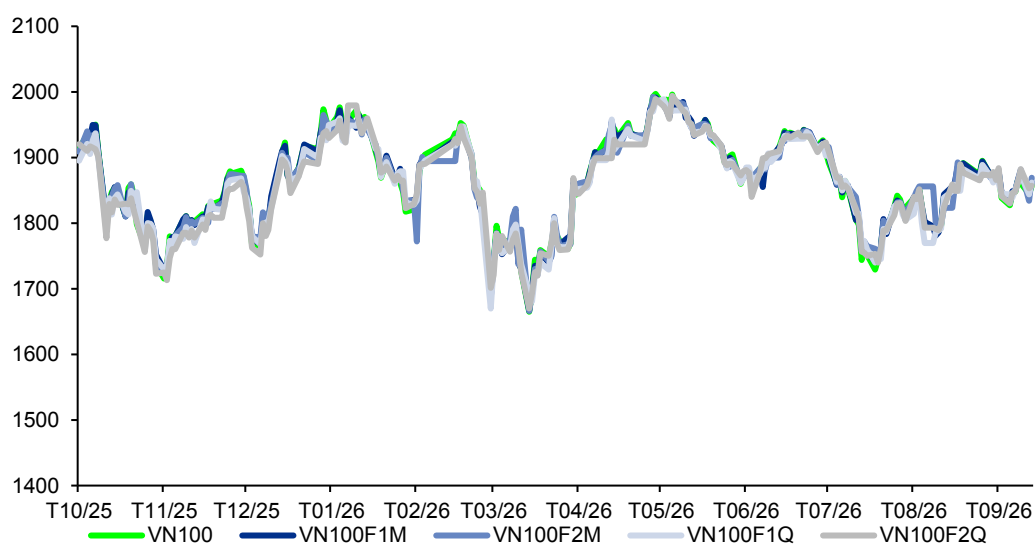
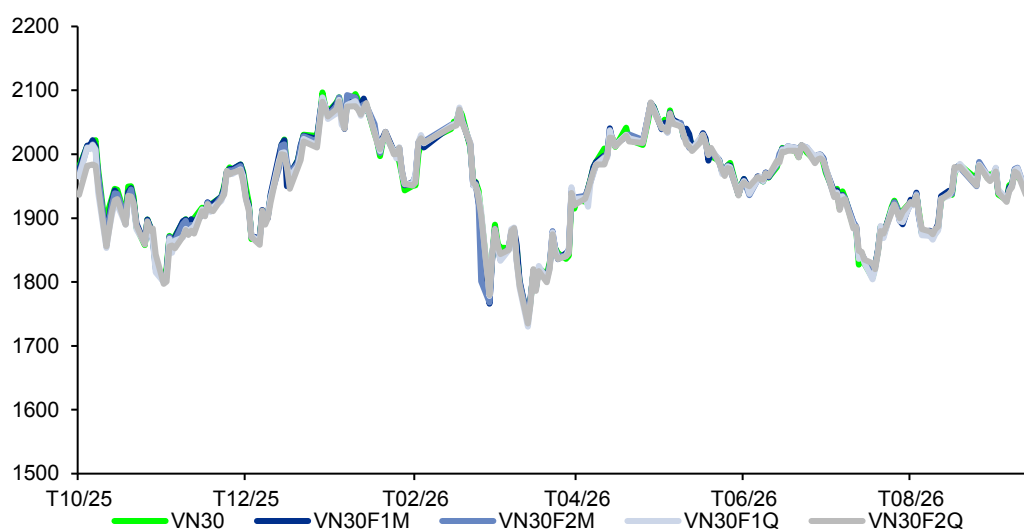


Nguồn: HSX, HNX, Fiinpro
** ngoại trừ ngân hàng

Giao dịch Phái sinh

Hợp đồng	Giá	Net Δ	% Δ	Chênh lệch
VN30F1M	1.962,9	13,9	0,7%	-2,5
VN30F2M	1.961,0	19,8	1,0%	-4,4
VN30F1Q	1.964,2	23,4	1,2%	-1,2
VN30F2Q	1.960,5	24,3	1,3%	-4,9
VN100F1M	1.861,7	18,0	1,0%	4,8
VN100F2M	1.869,4	35,2	1,9%	12,5
VN100F1Q	1.862,0	18,0	1,0%	5,1
VN100F2Q	1.857,0	4,0	0,2%	0,1

Hợp đồng	Khối lượng	% Δ	KL giao dịch	%Δ
VN30F1M	28.365	1,4%	258,18	7,2%
VN30F2M	339	30,9%	0,32	-44,5%
VN30F1Q	700	1,3%	0,05	-19,4%
VN30F2Q	283	2,2%	0,03	-62,8%
VN100F1M	82	-13,7%	0,11	68,8%
VN100F2M	6	100,0%	0,21	25,0%
VN100F1Q	34	25,9%	0,12	1.400,0%
VN100F2Q	21	-25,0%	0,02	-12,0%

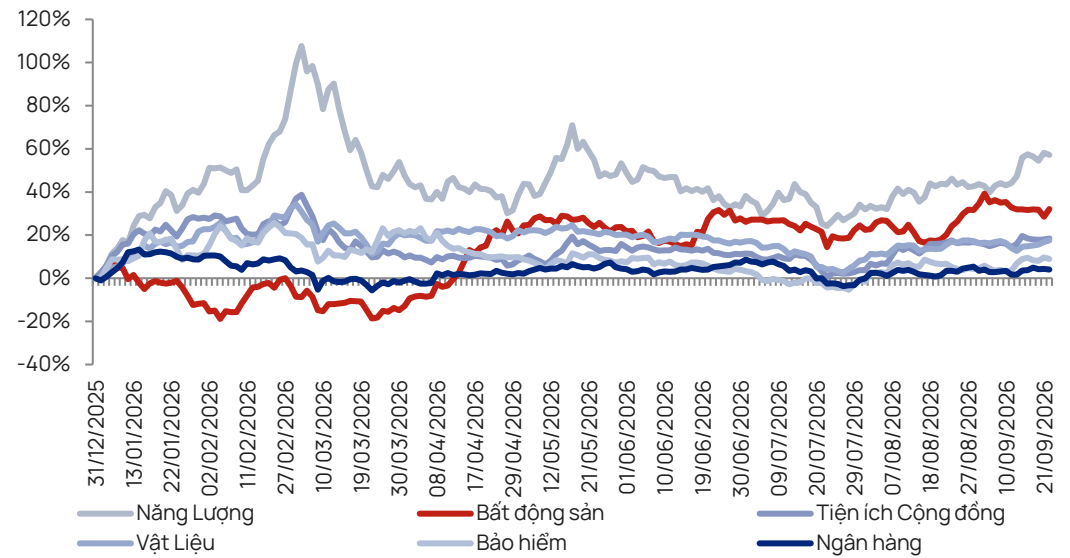


Nguồn: Fiinpro, Vietcap

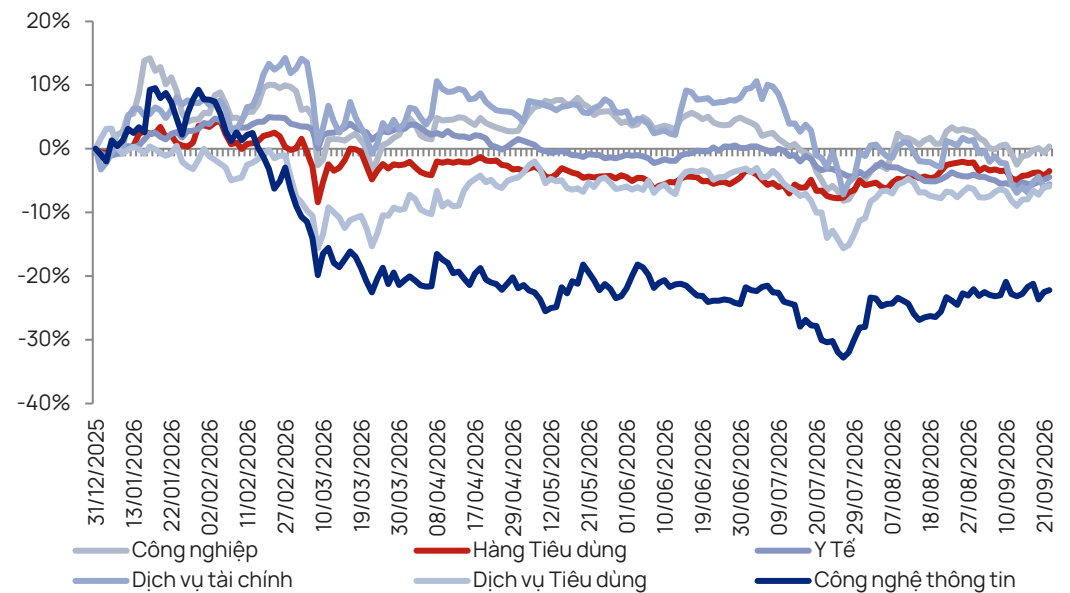
Ghi chú: F1M = hợp đồng đáo hạn trong 1 tháng
 F2M = hợp đồng đáo hạn trong 2 tháng
 F1Q = hợp đồng đáo hạn trong 1 quý
 F2Q = hợp đồng đáo hạn trong 2 quý

Diễn biến theo ngành có trọng số YTD trên sàn 3 sàn

6 nhóm ngành tích cực nhất*



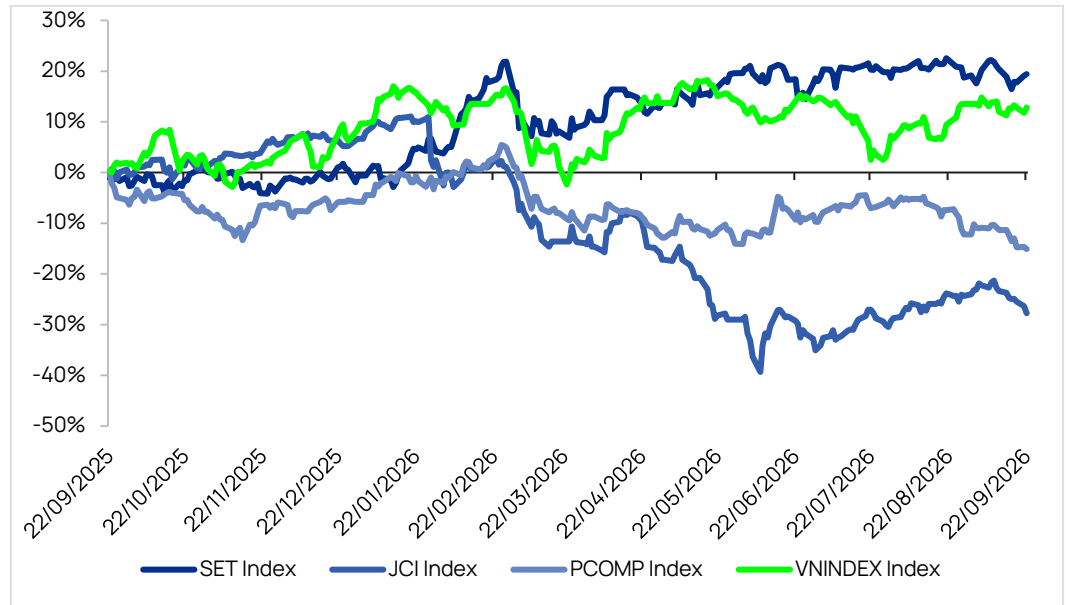
6 nhóm ngành kém tích cực nhất*



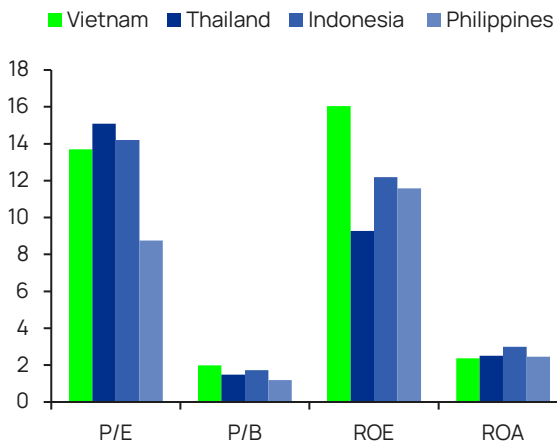
Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB

Diễn biến các thị trường trong khu vực



Ghi chú: dựa theo giá trị đồng tiền của các quốc gia tương ứng



	Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
	SET Index	JCI Index	PCOMP Index	VN- Index
P/E	15,1	14,2	8,8	13,7
P/B	1,5	1,7	1,2	2,0
ROE (%)	9,3	12,2	11,6	16,0
ROA (%)	2,5	3,0	2,5	2,4
Giá trị vốn hóa, tỷ USD	597,2	622,1	133,7	335,5
GTGD trung bình, tr USD	1.726,1	1.129,8	80,7	808,1
Mua ròng khối ngoại - YTD, tr USD	1.725,8	-4.322,0	-523,4	-3.486,0
Mua ròng khối ngoại - 5 ngày, tr USD	(13,4)	(155,5)	(81,2)	21,1
Lợi suất TPCP 5 năm	1,73%	6,98%	7,30%	4,30%

Nguồn: Bloomberg, Vietcap

Ghi chú: Nếu tỷ lệ P/E, ROE, ROA là N/A, cột P/E, ROE, ROA tương ứng sẽ không thể hiện

Dữ liệu P/E sử dụng lợi nhuận pha loãng

Liên hệ

CTCP Chứng khoán Vietcap (Vietcap)

www.vietcap.com.vn

Trụ sở chính (1): Bitexco

Tháp tài chính Bitexco, tầng 15,
Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 3914 3588

Trụ sở chính (2): Nguyễn Huệ

Tòa nhà Vinatex, Tầng 3, Số 10 Nguyễn Huệ,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
+84 28 8882 6868

Phòng giao dịch Hàm Nghi

Tòa nhà Doji, tầng 16, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 8882 6868

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo, tầng 6
Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
+84 24 6262 6999

Phòng giao dịch Mỹ Đình

SAP.A09 Tòa A – Chung cư cao tầng HH2-1 (The Matrix One)
Phường Từ Liêm, Tp. Hà Nội (Số 1 Lê Quang Đạo)
+84 28 8882 6868

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Research Team: +84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Hoàng Nam

Giám đốc, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Nghân hàng, Chứng khoán và Bảo hiểm

Huỳnh Thị Hồng Ngọc,

Trưởng phòng, ext 138

- Vũ Thế Quân, Trưởng phòng, ext 364

- Hồ Thu Nga, Chuyên viên, ext 516

- Đinh Kiến Vương, Chuyên viên, ext 468

Vĩ mô

Hoàng Thúy Lương

Trưởng phòng cao cấp, ext 368

- Đào Minh Quang, Chuyên viên, ext 365

Hàng tiêu dùng

Bùi Nguyên Cẩm Giang

Trưởng phòng cao cấp, ext 125

- Bùi Xuân Vĩnh, Chuyên viên cao cấp, ext 584

- Lý Phúc Thanh Ngân, Chuyên viên cao cấp, ext 532

- Nguyễn Thảo Nguyên, Chuyên viên, ext 268

Dầu khí, Điện và Nước

Đinh Thị Thùy Dương

Phó Giám đốc, ext 140

- Dương Tấn Phước, Chuyên viên cao cấp, ext 135

- Phạm Phú Lộc, Chuyên viên, ext 549

- Nguyễn Thị Thùy Dương, Chuyên viên, ext 132

Bất động sản

Lưu Bích Hồng

Trưởng phòng cao cấp, ext 120

- Thân Như Đoàn Thực, Chuyên viên cao cấp, ext 174

- Đỗ Công Anh Tuấn, Chuyên viên cao cấp, ext 181

Công nghiệp và Cơ sở hạ tầng

Nguyễn Thảo Vy

Trưởng phòng cao cấp, ext 147

- Nguyễn Thị Ngọc Hân, Chuyên viên, ext 191

- Hoàng Gia Huy, Chuyên viên, ext 526

Khách hàng cá nhân

Vũ Minh Đức - Phó Giám đốc, ext 363

- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Trưởng phòng, ext 129

- Tống Hoàng Trâm Anh, Phó Trưởng phòng, ext 366

- Lê Hải Đăng, Chuyên viên, ext 570

- Võ Phan Hồng Kiệt, Chuyên viên, ext 470

Phòng Tư Vấn Đầu Tư và Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức

Anthony Le

Giám đốc

Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Châu Thiên Trúc Quỳnh

Giám đốc điều hành

Phòng Tư Vấn Đầu Tư

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn

Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại) / giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
KÉM KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
BÁN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi Vietcap đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này, Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành, Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước, Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này, Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt, Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.